

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội
quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội
về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ
quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành
phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ
quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành
phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
301/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm: Giám đốc và số lượng Phó Giám đốc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có thể nhiều hơn số lượng Phó Giám đốc Sở so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng Phó Giám đốc Sở sau sắp xếp thực hiện đúng quy định.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Kế hoạch, Tài chính;
- c) Phòng Pháp chế;
- d) Phòng Tổ chức cán bộ.

3. Các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

- a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- b) Chi cục Thủy sản;
- c) Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
- d) Chi cục Thủy lợi;
- đ) Chi cục Kiểm lâm;
- e) Chi cục Biên, Hải đảo và Kiểm ngư;

- g) Chi cục Quản lý đất đai;
- h) Chi cục Bảo vệ môi trường;
- i) Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- k) Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

- a) Trung tâm Khuyến nông;
- b) Trung tâm Giống Nông nghiệp;
- c) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- d) Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi;
- đ) Văn phòng Đăng ký đất đai;
- e) Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc;
- g) Ban Quản lý rừng phòng hộ Tam Giang;
- h) Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng;
- i) Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi;
- k) Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây;
- l) Ban Quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Bạc Liêu;
- m) Ban Quản lý các Cảng cá;
- n) Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và môi trường Nam Quốc lộ 1A Bạc Liêu;
- o) Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và môi trường Bắc Quốc lộ 1A Bạc Liêu.

5. Các đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục, gồm:

- a) Hạt Quản lý đê điều Biển Tây và Hạt Quản lý đê điều Biển Đông thuộc Chi cục Thủy lợi;
- b) Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản.

6. Căn cứ khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm tình hình và yêu cầu quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình cấp có thẩm quyền sắp xếp cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo theo quy định.

7. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

1. Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, khối lượng công việc, vị trí việc làm và tính chất, đặc điểm tình hình công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc đảm bảo trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý đối với công chức, viên chức thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường là người giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm, thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là người trực tiếp phụ trách, điều hành hoạt động của phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Sở và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của phòng, chi cục và đơn vị được phân công phụ trách.

4. Cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là người giúp việc cho người đứng đầu; chịu trách nhiệm trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ, công việc được phân công phụ trách. Khi người đứng đầu vắng mặt thì ủy quyền cho một cấp phó của người đứng đầu điều hành các hoạt động của phòng, chi cục và đơn vị.

5. Công chức, viên chức, người lao động trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước người đứng đầu đơn vị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định theo phân cấp quản lý công chức, viên chức hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc phân công, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 7. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Bộ Nông nghiệp và Môi trường là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn 03 (ba) năm, 05 (năm) năm và hằng năm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề ra; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Nông nghiệp và Môi trường mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh mà chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Sở Nông nghiệp và Môi trường giữ mối liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Mọi quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; đồng thời, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân các xã, phường

Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh là mối quan hệ tổ chức, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước của ngành và các vấn đề khác có liên quan theo quy định.

Điều 11. Mối quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)

Mối quan hệ giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của ngành Nông nghiệp và Môi trường thống nhất từ Trung ương đến tỉnh và cấp cơ sở.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2025. Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau), hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 13;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (L, MĐ02). D.M16/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi